

## 2. KINH TRÚ ĐẠC THỌ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu lá cây Trú đạ<sup>2</sup> Tam thập tam thiên úa vàng<sup>3</sup>, lúc đó thiên chúng ở Tam thập thiên vui mừng hơn hởi, cho rằng lá cây Trú đạ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng. Rồi thì lá cây ở Tam thập tam thiên đã rụng. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hởi cho rằng lá cây Trú đạ chẳng bao lâu nữa sẽ mọc lại. Rồi thì lá cây Trú đạ ở Tam thập tam thiên đã mọc lại, lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hởi cho rằng cây Trú đạ chẳng bao lâu nữa sẽ kết ra mạng lưới<sup>4</sup>. Rồi thì cây Trú đạ ở Tam thập tam thiên đã kết mạng lưới.

Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên vui mừng hơn hởi cho rằng cây Trú đạ chẳng bao lâu nữa sẽ nở nụ giống như mỏ chim<sup>5</sup>. Rồi thì cây Trú đạ ở Tam thập tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên cho rằng cây Trú đạ chẳng bao lâu nữa sẽ nở hoa giống như cái bát<sup>6</sup>. Rồi thì cây Trú đạ ở Tam thập tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó chư Thiên ở Tam thập tam thiên hơn hởi cho rằng cây Trú đạ chẳng bao lâu hoa sẽ nở tròn trịa. Nếu cây Trú đạ nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi trăm do-diên<sup>7</sup>. Lúc bấy giờ vào tháng tư mùa hạ, các vị Tam thập tam thiên vui đùa với năm món dục lạc cõi trời. Đó là Tam thập tam thiên tập trung dưới cây Trú đạ mà hưởng thọ sự hoan lạc.

“Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia,

<sup>1</sup>. Tương đương Pāli: A. VII.65 Pārichattaka-sutta. Biệt dịch No.28 Phật Thuyết Viên Sinh Thọ Kinh, 1 quyển, Tổng Thi Hộ dịch (Đại 2, tr.810); No.125 ( 39.2 ) Tăng Nhất 33, “Đẳng Pháp Phẩm” (Đại 2, tr.729).

<sup>2</sup>. Hán: *trú đạ (độ) thọ* ———CPāli: pārichattaka (Skt. pārijāta: *viên sinh thọ* ———). Cây san hô (Erythmia Indica) trên trời Đao-lợi (Pl. Tāvatiṃsa), làm chuẩn để tính ngày; đồng hồ của trời Đao-lợi. No.125 ( 39.2 ) mô tả: gốc cây lớn năm mươi do tuần, cao một trăm do tuần, bóng mát phủ bốn phía, mỗi phía năm mươi do tuần. Các Thiên thần cõi trời Tam thập tam thiên, vào tiết tháng tư thường tụ tập đến đó thưởng ngoạn. No.28 cũng mô tả tương tự.

<sup>3</sup>. No.28: cây ấy tức sinh ra *bán nở bát la xá* -b-v ———F Pāli: paṇḍupālasa: (lá cây) héo úa.

<sup>4</sup>. Hán: *sinh võng* ———C Pāli: jālakajāta: nảy mầm chồi non. Bản Hán phân tích: jālaka: màng lưới + jāta: đã sinh. No. 28: *bảo võng* -\_ ———F phân tích: jālaka, lưới; + jāta = jātarūpa (?): vàng (hoàng kim).

<sup>5</sup>. Hán: *điều trác* ———C Pāli: khāraka, chồi hay lộc.

<sup>6</sup>. No.28, hai giai đoạn: *câu-châm-ma-la-ca* ———z ———{(Pāli: kuḍumalaka, nụ hoa vừa lú); và *ca-ca-tả* -{-{-g (Pāli, koraka, nụ hoa).

<sup>7</sup>. Pāli: samantā paññāsayojanāni ābhāya puṭaṃ hoti, anuvātaṃ yojanasataṃ gandho gacchati, “hương thơm tỏa ra trùm khắp năm mươi yojana (do-tuần, hay do-diên); thuận gió, bay đến một trăm yojana.

lúc đó vị Thánh đệ tử như là chiếc lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú đặc ở cõi Tam thập tam thiên vàng úa.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên rụng xuống.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán<sup>8</sup>, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly<sup>9</sup>, thành tựu và an trụ<sup>10</sup> Sơ thiền; lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại như lá cây ở Tam thập tam thiên sanh trở lại.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử giác và quán đã dứt, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh<sup>11</sup> thành tựu và an trụ Nhị thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là sanh mạng lưới như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên sanh mạng lưới.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử lìa hỷ dục, an trụ xả, vô cầu<sup>12</sup>, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là được xả bởi Thánh, có niệm và lạc, an trụ không<sup>13</sup>, thành tựu an trụ Tam thiền. Lúc đó Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở nụ như mỏ chim.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ; ưu và hỷ từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả và niệm thanh tịnh<sup>14</sup> thành tựu an trụ Tứ thiền. Vị Thánh đệ tử lúc đó được gọi là nở hoa như cái bát vậy. cũng như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa như cái bát.

“Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong đời này<sup>15</sup> mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; vị ấy biết một cách như thật rằng ‘Sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa’. Lúc đó vị Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng giống như cây Trú đặc ở Tam thập tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vị Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam thập tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện pháp hỏi han khen ngợi rằng: ‘Vị Thánh đệ tử tôn quý đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết một cách như thật rằng, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Đó là sự tập hội của các A-la-hán lậu tận, như Tam thập tam thiên cùng tập hội dưới cây Trú đặc vậy”.

Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành. □

8. Hán: *hữu giác hữu quán* ———[—C Pāli: sa vitakkaṃ savicāraṃ, câu hữu với tầm (suy tầm) và câu hữu với tứ (tư sát).

9. Hán: *ly sanh hỷ lạc* ———CPāli: vivekaṃ pītisukhaṃ, hỷ và lạc phát sinh từ sự ẩn cư.

10. Hán: *thành tựu du* —N—C—C Pāli: upasampajja viharati, sau khi chứng nhập, vị ấy an trụ (sống trong trạng thái).

11. Hán: *định sanh hỷ lạc* —w—C Pāli: samādhijaṃ pītisukhaṃ.

12. Hán: *ly ư hỷ dục, xả, vô cầu du* ———L—D—C—C Pāli: pītiyā ca virāgā ca uppekkako ca viharati: vị ấy sống (an trú) trong trạng thái xả, không còn hỷ.

13. Hán: *Thánh sở thuyết Thánh sở xả, niệm, lạc, trụ không* —t—t— ———C Pāli: yan taṃ ariyā ācikkhanti: “upekkako satimā sukha-vihārī”: điều mà các bậc Thánh tuyên bố là: có xả, có niệm, an trú lạc.

14. Hán: *xả niệm thanh tịnh* —M—b—C—Pháp Uẩn 7 (Đại 26, tr.485a): “Lúc bấy giờ, hoặc xả, hoặc niệm, thấy đều được thanh tịnh”. Pāli: upekkā-sati-parisuddhiṃ.

15. Hán: *ư hiện pháp trung* —{—k—C Pāli: diṭṭhe dhamme.

